

Bản án số: 11/2023/DS-ST

Ngày 07-9-2023

V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ YÊN BÁI, TỈNH YÊN BÁI:

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tạ Thị Kim Anh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Thanh Vân, bà Đinh Thị Thanh Hải

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Giang - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Yên Bái tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Thanh Huyền - Kiểm sát viên

Ngày 07 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 36/2023/TLST- DS 19-4-2023 về việc: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2023/QĐXXST-DS ngày 28-7-2023; Quyết định hoãn phiên tòa số: 09/2023/QĐST-DS ngày 15-8-2023; Quyết định hoãn phiên tòa số: 13/2023/QĐST-DS ngày 29-8-2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần X

Địa chỉ: Số 194 T, phường L, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phan Đức T- Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng Thương mại cổ phần X.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Trung T1- Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng Thương mại cổ phần X- Chi nhánh Yên Bái.

Người được ủy quyền lại: Bà Đoàn Hải Y- Chức vụ: Giám đốc phòng giao dịch N- X Yên Bái theo Quyết định ủy quyền số 515/QĐ-XXXX-YB ngày 18-4-2023. Vắng mặt, đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Số 51, đại lộ N, phường N, thành phố Y, tỉnh Yên Bái.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Quang H và bà Nguyễn Thị G

Cùng địa chỉ: Số nhà 119, đường T, tổ dân phố H (tổ 11A cũ), phường H, thành phố Y, tỉnh Yên Bái.

Ông Nguyễn Quang H và bà Nguyễn Thị G vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 18-4-2023 và các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là Ngân hàng Thương mại cổ phần X (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) và người được ủy quyền lại của nguyên đơn là bà Đoàn Hải Y trình bày:

Ngày 22-11-2018, ông Nguyễn Quang H cùng vợ là Nguyễn Thị G đến Ngân hàng Thương mại cổ phần X chi nhánh Yên Bái- phòng Giao dịch N để làm thủ tục xin vay tiền. Trong ngày 22-11-2018, ông H đã ký Hợp đồng tín dụng số 01/2018/597xxxx/HĐTD với Ngân hàng để vay số tiền là: 600.000.000 đồng; mục đích: Mua xe ô tô con; thời hạn vay: 60 tháng, ngày đến hạn cuối cùng là 23-11-2023; kỳ hạn trả nợ gốc: 03 tháng/lần, mức trả nợ gốc 30.000.000 đồng/lần. Bắt đầu trả nợ từ tháng 02-2019; trả lãi định kỳ vào ngày 23 hàng tháng, bắt đầu từ ngày 23-12-2019; lãi suất cho vay trong hạn: 10%/năm áp dụng cho 12 tháng đầu tiên kể từ thời điểm giải ngân lần đầu. Từ tháng thứ 13 trở đi, áp dụng lãi suất thả nổi điều chỉnh 06 tháng/lần. Bắt đầu điều chỉnh ngày 23-11-2019; Lãi suất nợ quá hạn: Lãi suất nợ quá hạn áp dụng với nợ gốc quá hạn là: 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn tính trên số dư nợ gốc bị quá hạn tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi chậm trả áp dụng đối với nợ lãi chậm trả là: 10% tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Sau khi ký hợp đồng tín dụng vào ngày 22-11-2018, theo quy trình thì Hợp đồng tín dụng cùng các tài liệu liên quan phải qua một bộ phận thẩm định hồ sơ trong trụ sở chính. Cán bộ quản lý khách hàng của phòng đề xuất vay sẽ scan hồ sơ đầy đủ gửi cho bộ phận thẩm định của Chi nhánh xét duyệt. Phòng thẩm định có trách nhiệm thẩm định lại hồ sơ của khách hàng để xác định có đủ điều kiện cho vay hay không. Đến ngày 23-11-2018, Hợp đồng tín dụng số 01/2018/597xxxx/HĐTD được phê duyệt. Đó là lý do tại sao ngày trong Hợp đồng tín dụng số 01/2018/597xxxx/HĐTD lại được sửa thành ngày 23-11-2018.

Để đảm bảo cho khoản vay, ông H và bà G đã ký với Ngân hàng Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2018/597xxxx/HĐTC ngày 22-11-2018. Tài sản đảm bảo cho khoản vay là xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA, số loại FORTUNER, số khung MHFJB3GS1J110XXXXX, số máy 2GDC42xxxx, biển số 21A- 065.xx,

chứng nhận đăng ký xe ô tô số 011xxx do phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Yên Bái cấp ngày 21-11-2018, tên chủ xe là Nguyễn Quang H. Xe sản xuất năm 2018, nơi sản xuất INDONESIA.

Ngày 21-01-2019, ông H và bà G đã ký với Ngân hàng Hợp đồng số 01/2019/597xxxx/HĐBD sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2018/597xxxx ngày 22-11-2018 có nội dung dùng tài sản thế chấp trên để đảm bảo cho việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ của bên thế chấp đối với Ngân hàng phát sinh từ các Hợp đồng cấp tín dụng với dư nợ gốc tối đa là 700.000.000 đồng (ngoài khoản vay 600.000.000 đồng tại Hợp đồng tín dụng số 01/2018/597xxxx/HĐTD, ông H vay thêm 100.000.000 đồng nữa). Đối với khoản vay này, ông H đã trả hết cho Ngân hàng nên Ngân hàng không có yêu cầu gì.

Quá trình thực hiện Hợp đồng tín dụng số 01/2018/597xxxx/HĐTD, Ngân hàng đã giải ngân cho ông H và bà G đủ số tiền vay 600.000.000 đồng vào ngày 23-11-2018. Ông H và bà G đã trả được số tiền gốc là 300.000.000 đồng và số tiền lãi là 139.344.438 đồng cho đến ngày 23-8-2021 thì không thực hiện trả nợ gốc đến hạn là 30.000.000 đồng và các kỳ trả nợ tiếp theo bắt đầu từ ngày 23-11-2021 đến nay, ông H và bà G chưa thanh toán được bất kỳ khoản tiền gốc và lãi nào nên khoản vay của ông H, bà G bị quá hạn.

Ngân hàng đã nhiều lần thông báo, tiến hành mời khách hàng đến làm việc về việc thực hiện nghĩa vụ trả nợ tuy nhiên ông H và bà G không đến, không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng, không phối hợp xử lý tài sản đảm bảo, liên tiếp vi phạm cam kết. Đối với ý kiến của ông H tại biên bản ghi lời khai ngày 05-7-2023, ông H đề nghị Ngân hàng cho ông H và bà G giãn nợ, Ngân hàng không đồng ý do ông H và bà G không phối hợp với Ngân hàng về việc trả nợ gốc và lãi của các kỳ trước. Ngân hàng đã đôn đốc ông H và bà G trả nợ nhưng ông H và bà G chỉ hứa hẹn mà không thực hiện. Ngân hàng cũng đã nhiều lần mời ông H và bà G đến làm việc để có phương án trả nợ cho phù hợp nhưng ông H và bà G không đến, thể hiện ông H và bà G không có thiện chí trả nợ.

Tại Đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 06-9-2023, Ngân hàng Thương mại cổ phần X yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái giải quyết:

- Buộc ông Nguyễn Quang H và bà Nguyễn Thị G phải trả toàn bộ số tiền gốc, lãi, phí trả chậm tạm tính đến ngày 07-9-2023 là: 388.687.802 đồng. đồng. Trong đó:

Dư nợ gốc: 300.000.000 đồng.

Dư nợ lãi cộng dồn (tiền lãi của số tiền gốc 300.000.000 đồng tính đến ngày 07-9-2023): 72.980.665 đồng.

Lãi quá hạn áp dụng đối với nợ gốc quá hạn: 15.707.137 đồng.

- Buộc ông Nguyễn Quang H và bà Nguyễn Thị G tiếp tục phải trả lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 01/2018/597xxxx/HĐTD cho đến ngày thực tế ông H và bà G trả hết nợ gốc cho Ngân hàng Thương mại cổ phần X.

- Trường hợp ông Nguyễn Quang H và bà Nguyễn Thị G không thanh toán được số tiền nợ gốc và lãi của Hợp đồng tín dụng nêu trên thì Ngân hàng có quyền yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2018/597xxxx/HĐTC ngày 22-11-2018 để thu hồi nợ.

- Trường hợp sau khi xử lý tài sản bảo đảm mà vẫn không đủ thanh toán hết khoản nợ thì ông Nguyễn Quang H và bà Nguyễn Thị G vẫn phải tiếp tục có nghĩa vụ trả hết số nợ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần X.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 05-5-2023, bị đơn là ông Nguyễn Quang H trình bày:

Do cần tiền để mua xe ô tô phục vụ cho nhu cầu đi lại của gia đình, ông và vợ ông là Nguyễn Thị G đã đến Ngân hàng Thương mại cổ phần X chi nhánh Yên Bái- phòng Giao dịch N để làm thủ tục xin vay tiền. Ông đã ký với Ngân hàng Hợp đồng tín dụng số 01/2018/597xxxx/HĐTD để vay số tiền 600.000.000 đồng trong thời hạn 60 tháng. Các điều khoản thỏa thuận về kỳ hạn trả nợ gốc, trả lãi định kỳ, lãi suất và các nội dung khác đúng như Hợp đồng tín dụng mà Ngân hàng BIDV chi nhánh Yên Bái đã giao nộp tại Tòa án. Hợp đồng tín dụng được ký vào ngày 22-11-2018, được phê duyệt và giải ngân vào ngày 23-11-2018 nên Hợp đồng tín dụng số 01/2018/597xxxx/HĐTD được sửa lại thành ngày 23-11-2018.

Để đảm bảo cho khoản vay, vợ chồng ông đã ký với Ngân hàng Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2018/597xxxx/HĐTC ngày 22-11-2018. Tài sản thế chấp là xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA, số loại FORTUNER, biển số 21A- 065.xx, chứng nhận đăng ký xe ô tô số 011xxx do phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Yên Bái cấp ngày 21-11-2018 mang tên ông.

Sau khi vay, vợ chồng ông đã nhiều lần trả tiền gốc và lãi cho Ngân hàng theo đúng thỏa thuận (ông không nhớ số tiền cụ thể) nhưng khoảng 02 năm trở lại đây, do tình hình dịch bệnh Covid nên công việc của hai vợ chồng ông bị ảnh hưởng nghiêm trọng nên vợ chồng ông chưa có khả năng để trả cho Ngân hàng.

Tháng 4-2023, vợ chồng ông nhận được Thông báo về việc thụ lý vụ án của Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái và được biết Ngân hàng BIDV chi nhánh Yên Bái khởi kiện đòi vợ chồng ông phải trả số tiền gốc còn nợ là 300.000.000 đồng và lãi, phí trả chậm phát sinh. Vợ chồng ông xác định đã vay thì phải trả nên không có ý kiến phản đối với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng. Tuy nhiên, thời điểm này kinh tế của vợ chồng ông đang gặp nhiều khó khăn, vì vậy vợ chồng ông đề nghị Ngân hàng xem xét giãn nợ cho vợ chồng ông thêm một thời gian nữa để vợ chồng ông thu xếp tiền trả cho Ngân hàng.

Ông xác nhận vợ chồng ông đã được giao nhận tất cả các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng do điều kiện công việc nên vợ chồng ông không có mặt để tham gia tố tụng tại Tòa án. Ông đồng ý để vợ ông nhận thay ông các văn bản tố tụng của Tòa án trong trường hợp khi Tòa án tổng đạt mà ông không có ở nhà. Ngoài ra, ông không có ý kiến, đề nghị gì khác.

Bị đơn bà Nguyễn Thị G đã được Tòa án tổng đạt tất cả các văn bản tố tụng nhưng bà G đều vắng mặt, không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không cung cấp tài liệu chứng cứ.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:

+ *Về tố tụng*: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đã xác định đúng quan hệ pháp luật, tiến hành xét xử vụ án đúng trình tự tố tụng, đảm bảo đầy đủ các quyền, nghĩa vụ của các đương sự.

+ *Về nội dung*: Căn cứ các Điều 144, Điều 147, Điều 157, Điều 158, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Căn cứ các 117, 280, 320, 323, 357, 466 và 468 của Bộ luật dân sự 2015; Căn cứ Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc ông Nguyễn Quang H và bà Nguyễn Thị G phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần X số tiền còn nợ theo Hợp đồng tín dụng số 01/2018/597xxxx/HĐTD ngày 23-11-2018 là: 388.687.802 đồng. Trong đó: Dư nợ gốc: 300.000.000 đồng; Dư nợ lãi cộng dồn (tiền lãi của số tiền gốc 300.000.000 đồng tính đến ngày 07-9-2023): 72.980.665 đồng; Lãi quá hạn áp dụng đối với nợ gốc quá hạn: 15.707.137 đồng.

Trường hợp ông Nguyễn Quang H và bà Nguyễn Thị G không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mại toàn bộ tài sản đảm bảo theo hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2018/597xxxx/HĐTC ngày 22-11-2018 để thu hồi nợ.

Buộc ông Nguyễn Quang H và bà Nguyễn Thị G phải chịu toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và án phí dân sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn là Ngân hàng Thương mại cổ phần X khởi kiện tranh chấp trong việc thực hiện hợp đồng tín dụng; Bị đơn là ông Nguyễn Quang H và bà Nguyễn Thị G cư trú tại tổ dân phố H, phường H, thành phố Y, tỉnh Yên Bái. Do đó, căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự xác định quan hệ tranh chấp dân sự là “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái.

Người được ủy quyền lại của Ngân hàng Thương mại cổ phần X là bà Đoàn Hải Y vắng mặt tại phiên tòa, đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Ông Nguyễn Quang H và bà Nguyễn Thị G vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do mặc dù đã được tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt bà Yển, ông H và bà G.

[2] Về tính hợp pháp của hợp đồng: Hợp đồng tín dụng số 01/2018/597xxxx/HĐTD ngày 23-11-2018 được ký kết giữa Ngân hàng BIDV chi nhánh Yên Bái- phòng Giao dịch N và ông Nguyễn Quang H được các bên tự nguyện ký kết, có hình thức và nội dung không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên phát sinh hiệu lực đối với các bên về quyền và nghĩa vụ, các bên phải có trách nhiệm thực hiện thỏa thuận đã cam kết. Mặc dù bà G không trực tiếp ký vào Hợp đồng tín dụng nhưng bà G đã ký vào giấy đề nghị vay vốn và Hợp đồng thế chấp tài sản cùng với ông H nên bà G cũng phải có trách nhiệm đối với khoản nợ trên. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông H và bà G đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng.

Do đó, Ngân hàng Thương mại cổ phần X khởi kiện ông H và bà G trả tiền nợ là có căn cứ.

[3] Về tiền nợ gốc: Sau khi ký kết hợp đồng, Ngân hàng đã thực hiện việc giải ngân số tiền là 600.000.000 đồng cho ông H và bà G. Các bên đều không có thắc mắc gì về nội dung và điều khoản của hợp đồng cũng như việc giải ngân số tiền vay. Ông H và bà G đã trả được 300.000.000 đồng tiền gốc, sau đó không tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ của mình, không đến làm việc với Ngân hàng để có phương án trả nợ là vi phạm hợp đồng. Do đó, Ngân hàng yêu cầu ông Nguyễn Quang H và bà Nguyễn Thị G phải trả số tiền nợ gốc là: 600.000.000 đồng - 300.000.000 đồng = 300.000.000 đồng là có căn cứ và đúng pháp luật nên cần được chấp nhận.

[4] Về tiền nợ lãi: Hội đồng xét xử xét thấy, từ ngày 23-8-2021 ông Nguyễn Quang H và bà Nguyễn Thị G không thực hiện nghĩa vụ trả tiền gốc và tiền lãi cho Ngân hàng nên ngoài việc trả tiền lãi trong hạn ông H và bà G còn phải trả tiền lãi quá hạn theo mức lãi suất đã thỏa thuận tại Điều 5 của hợp đồng là có căn cứ và phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng. Do đó chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc các bị đơn phải trả tiền lãi tính đến ngày 07-9-2023, gồm:

Dư nợ lãi cộng dồn (tiền lãi của số tiền gốc 300.000.000 đồng tính đến ngày 07-9-2023): 72.980.665 đồng.

Lãi quá hạn áp dụng đối với nợ gốc quá hạn: 15.707.137 đồng.

Căn cứ theo điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ- HĐTP ngày 11-01-2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao: Các bị đơn còn phải tiếp tục trả tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 01/2018/597xxxx/HĐTD ngày 23-11-2018, kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong.

[5] Về yêu cầu xử lý tài sản thế chấp: Để đảm bảo cho khoản vay, ông H và bà G đã thế chấp cho Ngân hàng 01 xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA, số loại FORTUNER, số khung MHFJB3GS1J110XXXXX, số máy 2GDC42xxxx, biển số 21A- 065.xx, chứng nhận đăng ký xe ô tô số 011xxx do phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Yên Bái cấp ngày 21-11-2018, tên chủ xe là Nguyễn Quang H.

Xét thấy Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2018/597xxxx/HĐTC ngày 22-11-2018 được các bên ký kết trên cơ sở tự nguyện lập tại Văn phòng công chứng H, tỉnh Yên Bái, đồng thời được đăng ký giao dịch đảm bảo tại Trung

tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại thành phố Hà Nội nên đã có hiệu lực pháp luật tại thời điểm được cấp văn bản chứng nhận.

Theo biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 16-6-2023, tài sản đảm bảo xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA; số loại FORTUNER; số khung MHFJB3GS1J110XXXXX; số máy 2GDC42xxxx, biển số 21A- 065.xx; chỗ ngồi: 07; màu sơn: Đen; dung tích của nhà sản xuất: 2393 cm³; năm sản xuất: 2018; nơi sản xuất: Indonesia; chứng nhận đăng ký xe ô tô số 011xxx do phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Yên Bái cấp ngày 21-11-2018, tên chủ xe là Nguyễn Quang H. Xe còn nguyên bản, không thay thế, thay đổi gì về kết cấu, hệ thống xe, không cải tạo gì so với thiết kế của nhà sản xuất.

Do đó, trong trường hợp ông Nguyễn Quang H và bà Nguyễn Thị G không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản đảm bảo là chiếc xe ô tô có đặc điểm như trên.

[6] Về chi phí tố tụng: Ông Nguyễn Quang H và bà Nguyễn Thị G phải chịu tiền tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 1.200.000 đồng. Nguyên đơn đã nộp tiền tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và đã chi phí xong nên buộc bị đơn là ông H và bà G phải có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn số tiền là 1.200.000 đồng.

[7] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Nguyên đơn không phải chịu tiền án phí nên được trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[8] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[9] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Yên Bái tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 144; Điều 147; Điều 157; Điều 158; khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 117; Điều 280; Điều 320; Điều 323; Điều 357; Điều 466 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 91; Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ Điều 13 Nghị quyết 01/2019/HĐ ngày 01-11-2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần X:

1.1. Buộc ông Nguyễn Quang H và bà Nguyễn Thị G phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần X số tiền tính đến ngày 07-9-2023 là: 388.687.802 đồng. đồng. Trong đó:

Dư nợ gốc: 300.000.000 đồng.

Dư nợ lãi cộng dồn (tiền lãi của số tiền gốc 300.000.000 đồng tính đến ngày 07-9-2023): 72.980.665 đồng.

Lãi quá hạn áp dụng đối với nợ gốc quá hạn: 15.707.137 đồng.

Kể từ ngày 08-9-2023 (ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận theo hợp đồng tín dụng số 01/2018/597xxxx/HĐTD ngày 23-11-2018.

Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay, thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo Quyết định của Tòa án, cũng được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

1.2 Trường hợp ông Nguyễn Quang H và bà Nguyễn Thị G không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mại toàn bộ tài sản đảm bảo theo hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2018/597xxxx/HĐTC ngày 22-11-2018 để thu hồi nợ là:

Xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA; số loại FORTUNER; số khung MHFJB3GS1J110XXXXX; số máy 2GDC42xxxx, biển số 21A- 065.xx; chỗ ngồi: 07; màu sơn: Đen; dung tích của nhà sản xuất: 2393 cm³; năm sản xuất: 2018; nơi sản xuất: Indonesia; chứng nhận đăng ký xe ô tô số 011xxx do phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Yên Bái cấp ngày 21-11-2018, tên chủ xe là Nguyễn Quang H.

1.3. Trường hợp sau khi xử lý tài sản đảm bảo mà vẫn không đủ thanh toán hết khoản nợ thì ông H và bà G vẫn phải tiếp tục có nghĩa vụ trả hết số nợ còn lại cho nguyên đơn.

2. Về chi phí tố tụng: Ông Nguyễn Quang H và bà Nguyễn Thị G phải trả cho Ngân hàng số tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là: 1.200.000 đồng (một triệu hai trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án chưa khi thi hành án xong khoản tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ nêu trên, còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí: Ông Nguyễn Quang H và bà Nguyễn Thị G phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 19.434.390 đồng, làm tròn 19.434.000 đồng (mười chín triệu bốn trăm ba mươi bốn nghìn đồng).

Ngân hàng Thương mại cổ phần X không phải chịu tiền án phí sơ thẩm và được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 9.250.000 đồng (Chín triệu hai trăm lăm mươi nghìn đồng), theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số AA/2022/0000237 ngày 19-4-2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Yên Bái.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND TP. Yên Bái;
- THADS TP. Yên Bái;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tạ Thị Kim Anh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Tạ Thị Kim Anh

